

# KIỂM SOÁT TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG VỚI TÀI CƠ CẤU HỆ THỐNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. Vũ Duy Hào, Nguyễn Duy Hùng

Đại học Kinh tế Quốc dân

*Tăng trưởng tín dụng là một khái niệm mang tính định lượng phản ánh sự tăng lên của các khoản tín dụng cho nền kinh tế, được biểu hiện thông qua quy mô tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng. Đứng trước nhu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng cùng với những biến động khó lường của kinh tế thế giới, một yêu cầu cấp bách được đặt ra hiện nay là cần đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng bền vững, trong đó tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam là một nội dung quan trọng. Trước hết, trong năm 2012 và những năm tiếp theo, một trong những nhiệm vụ trọng tâm đặt ra cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) là đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát tăng trưởng tín dụng, qua đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế đất nước.*

## **1. Đánh giá thực trạng ngân hàng thương mại Việt Nam và sự kiểm soát tăng trưởng tín dụng**

Theo thống kê của NHNN, tính đến thời điểm 31/12/2011, cả nước có 1 ngân hàng chính sách, 5 ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước, 35 NHTM cổ phần, 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 18 công ty tài chính, 12 công ty cho thuê tài chính và một hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân. Tổng giá trị tài sản của hệ thống NHTM Việt Nam vào khoảng 172 tỷ USD, xếp thứ 5 ở khu vực Đông Nam Á, dư nợ cho vay tương đương 125% GDP của nền kinh tế. Đây được xem là sự đóng góp khá lớn cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Năm 2011, trên cơ sở định hướng điều hành chính sách tiền tệ một cách chủ động, linh hoạt và thận trọng theo nguyên tắc thị trường nhằm mục tiêu hàng đầu là kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 12%. Đây là mức thấp hơn so với mục tiêu đã điều chỉnh là 15-16% và là mức thấp nhất trong suốt quá trình đổi mới của nền kinh tế. Trung bình trong giai đoạn 2000 - 2011, tăng trưởng tín dụng đạt 29,4%; 5 năm gần đây con số này là 33%. Qua đó, lạm phát năm 2011 đã được kiềm chế ở mức 18,58%.

Trong những năm vừa qua, NHNN đã tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện phương pháp thanh tra, giám sát, xếp loại các ngân hàng theo tiêu chuẩn CAMELS, đây được coi là một bước đột phá trong hoạt động của NHNN. CAMELS là những chữ cái viết tắt để chỉ các chỉ tiêu cấu thành hệ thống xếp

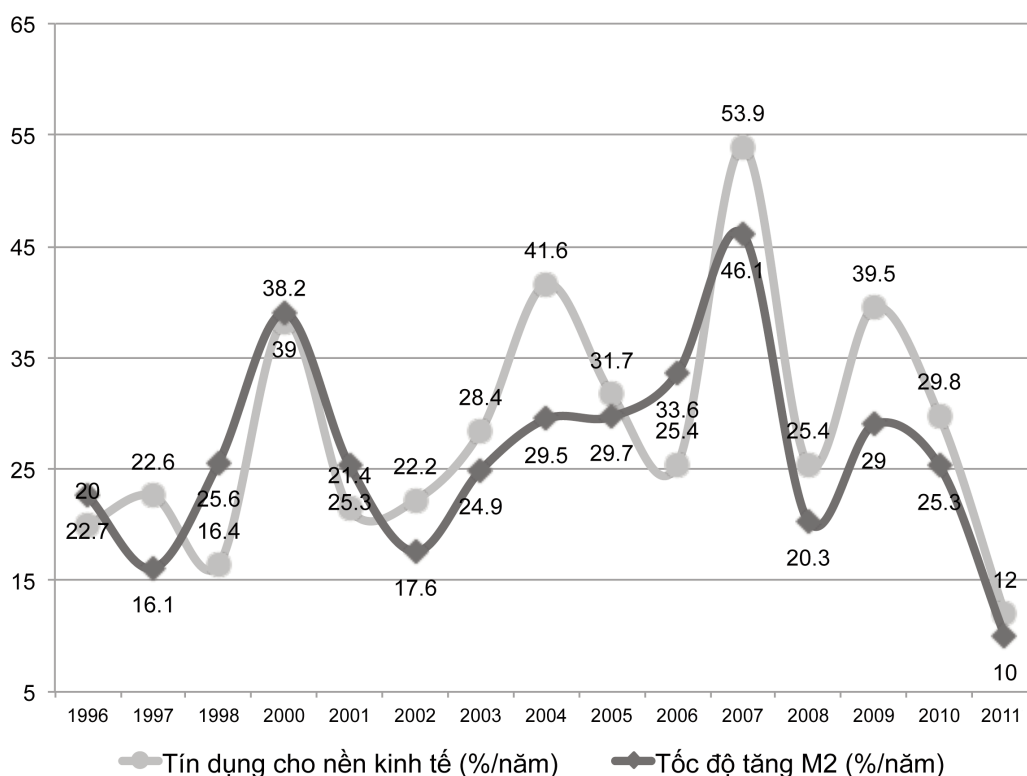
hạng đối với một NHTM gồm: Capital (vốn), Assets (tài sản), Management (quản lý), Earnings (lợi nhuận), Liquidity (thanh khoản) và Sensitivity (độ nhạy cảm với các rủi ro thị trường). Phương pháp giám sát CAMELS là phương pháp giám sát có sự đổi mới và phát triển cao hơn so với phương pháp giám sát tuân thủ mà NHNN Việt Nam đã thực hiện, bên cạnh đó, phương pháp CAMELS vẫn đảm bảo được tính kế thừa, đồng thời nó còn là một công cụ phòng ngừa rủi ro rất tích cực đối với các NHTM.

Ngoài ra, với việc ban hành Thông tư số 22 ngày 30/8/2011, NHNN đã chính thức hủy bỏ tỷ lệ cấp tín dụng từ nguồn vốn huy động quy định tại Thông tư 13, được sửa đổi, bổ sung sau đó trong Thông tư 19. Bên cạnh đó, Thông tư số 22 cũng điều chỉnh hệ số rủi ro đối với một số tài sản có bằng ngoại tệ khi tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Điều này đã giúp gỡ bỏ những rào cản trong các quy định trước đây, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các NHTM.

Cùng với đó, ngày 14/11/2011, NHNN đã ban hành văn bản số 8844/NHNN-CSTT, quyết định loại 4 nhóm tín dụng ra khỏi lĩnh vực phi sản xuất. Đây được xem là một quyết định phù hợp trước những diễn biến trên thị trường tài chính, đặc biệt là sự trầm lắng của thị trường bất động sản trong năm vừa qua, nhằm không làm mất đi động lực của quá trình phát triển.

Một điểm mới trong năm 2012 đó là NHNN sẽ không cao bằng tỷ lệ tăng trưởng tín dụng cho tất cả các ngân hàng. Thay vào đó, NHNN sẽ tiến hành phân loại ngân hàng, tập trung vào các tiêu chí phản ánh mức độ lành mạnh trong hoạt động tài chính,

**Hình 1: Tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán giai đoạn 1996-2011**



Nguồn: NHNN

trên cơ sở đó sẽ quy định tỷ lệ tăng trưởng tín dụng cho 4 nhóm gồm: Nhóm hoạt động lành mạnh (loại A), nhóm hoạt động trung bình (loại B), nhóm hoạt động dưới trung bình (loại C) và nhóm hoạt động yếu kém (loại D).

Ngày 13/2/2012, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01 về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012. Theo đó, NHNN giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho 4 nhóm tổ chức tín dụng như sau: nhóm 1 tăng trưởng tối đa là 17%, nhóm 2 tăng trưởng tối đa là 15%, nhóm 3 tăng trưởng tối đa là 8% và nhóm 4 không được tăng trưởng. Sau 6 tháng thực hiện, NHNN sẽ xem xét chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các tổ chức tín dụng phù hợp với diễn biến tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng, đảm bảo đạt được các mục tiêu chính sách tiền tệ.

Từ giai đoạn 2007- 2008 cho đến nay, trước những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu cùng những biến động hết sức phức tạp của kinh tế trong nước và quốc tế, hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn đứng vững và với những nỗ lực của toàn hệ thống, chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất - một trọng tâm trong gói kích cầu của Chính phủ đã có sức lan tỏa rộng khắp, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn cho nền kinh tế.

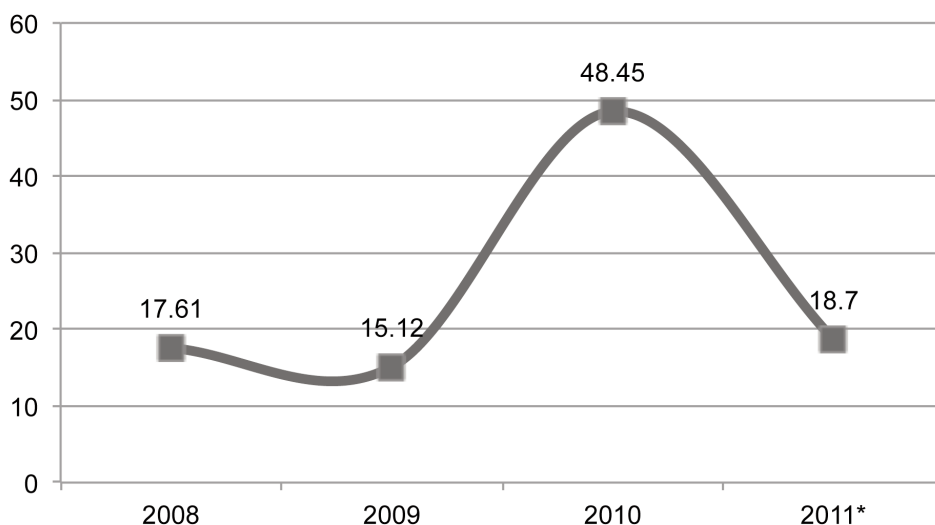
Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng cũng đóng góp

to lớn vào sự tăng trưởng hợp lý của nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư với việc đáp ứng trên 80% nhu cầu vốn của cả nền kinh tế. Năm 2011, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 5,89%. Đây được xem là mức tăng trưởng phù hợp trong bối cảnh kiểm soát lạm phát là ưu tiên hàng đầu. Như vậy, so với tốc độ tăng trưởng kinh tế thì tốc độ tăng trưởng tín dụng gấp hơn 2 lần. Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với những năm trước đây, khi mà tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng không cao hơn bao nhiêu (7- 8%), nhưng tốc độ tăng trưởng tín dụng thường gấp từ 5 đến 7 lần tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Điều này cho thấy, hoạt động tăng trưởng và kiểm soát tăng trưởng tín dụng đã có hiệu quả cao hơn.

Trong năm 2011, mặc dù tín dụng chung cho cả nền kinh tế chỉ tăng 12%, nhưng tín dụng cho khu vực sản xuất đã tăng trên 15%, tín dụng cho khu vực phi sản xuất, đặc biệt là cho bất động sản, chứng khoán giảm mạnh. Các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế như sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu đã được ưu tiên vốn ở mức tối đa. Hoạt động kiểm soát và định hướng tăng trưởng tín dụng cùng các chính sách tín dụng đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn đã thực sự khơi thông dòng chảy tín dụng về nông thôn với con số tín dụng cho nông nghiệp trung bình đạt 25% (có những thời vụ trên 30%). Do

**Hình 2: Tăng trưởng tín dụng ngoại tệ những năm gần đây**

Đơn vị tính: %/năm



Nguồn: NHNN

vậy mà năm 2011, tuy là một năm có nhiều khó khăn, nhưng sản xuất nông nghiệp của nước ta vẫn đạt được kết quả to lớn trên nhiều lĩnh vực. Qua đó, đời sống nông dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn tiếp tục được đổi mới. Ngoài ra, trong cả năm 2011, tín dụng cho xuất khẩu đã đạt mức tăng trưởng kỉ lục là 58%. Nhờ đó, mặc dù kinh tế thế giới có nhiều biến động và các thị trường xuất khẩu truyền thống của nước ta cũng đang hết sức khó khăn, nhưng tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam vẫn rất ấn tượng với mức tăng trên 30% (cao hơn nhiều so với mức dự kiến 10- 13%).

Tuy nhiên, bên cạnh những gam màu sáng trong bức tranh thị trường tài chính, thực trạng hoạt động tăng trưởng và kiểm soát tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng trong những năm qua còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng tiêu cực tới sự ổn định vĩ mô của nền kinh tế:

*Thứ nhất*, tình hình khó khăn về thanh khoản của hệ thống NHTM trong suốt thời gian vừa qua. Trước đây, tổng mức đầu tư toàn xã hội lên tới 42- 44% GDP, trong khi tích lũy chỉ đạt 20% GDP dẫn tới tình trạng nhu cầu đầu tư rất cao nhưng khả năng về vốn rất thấp. Trong bối cảnh đó, các ngân hàng đã nâng lãi suất lên, đua nhau huy động vốn vì huy động bao nhiêu cũng có thể cho vay ra được. Và một khi lãi suất được đẩy lên cao như vậy, tính chất của dòng vốn sẽ bị lệch lạc, mối quan hệ giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn bị vi phạm khi mà thị trường tiền tệ đồng thời thực hiện chức năng của thị trường vốn. Trong cơ cấu vốn của hệ thống NHTM, có tới 80% tổng vốn là có kỳ hạn dưới 1 năm, chỉ có 20% tổng

vốn là có kỳ hạn trên 1 năm (trong đó kỳ hạn trên 2 năm chưa tới 10%). Trong khi đó, cơ cấu cho vay phổ biến tại các NHTM ở Việt Nam là gần 60% tổng dư nợ cho vay với kỳ hạn cho vay trên 1 năm. Như vậy, phần lớn vốn huy động được là vốn ngắn hạn trong khi các ngân hàng lại sử dụng một tỷ lệ rất lớn cho vay trung và dài hạn. Tình trạng mất cân đối kỳ hạn giữa huy động và cho vay cùng những cuộc đua lãi suất trong một thời gian dài đã tạo áp lực lên khả năng thanh khoản của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, việc tồn tại “lợi ích nhóm” trong một số NHTM đã biến nhiều ngân hàng trở thành sân sau của một nhóm cổ đông lớn nhằm cho vay các dự án đầu tư dài hạn, trong đó chủ yếu là lĩnh vực bất động sản, và đây cũng là một nguyên nhân dẫn tới sự mất cân đối về kỳ hạn trong hoạt động của một số ngân hàng. Cùng với đó, tháng 10/2011, lần đầu tiên trên thị trường liên ngân hàng xuất hiện hiện tượng áp cơ chế bảo đảm, thể chấp trong giao dịch giữa các thành viên. Điều này chứng tỏ đã có nhiều bất ổn trên thị trường tài chính, đồng thời nó cũng gây ra những ảnh hưởng tới sự điều hòa dòng vốn trong hệ thống và tạo nên sự căng thẳng về thanh khoản tại một số ngân hàng thành viên.

*Thứ hai*, vấn đề mất cân đối giữa tăng trưởng tín dụng bằng nội tệ và tín dụng bằng ngoại tệ. Nhìn lại năm 2009, suốt nửa đầu năm là trạng thái tăng trưởng âm của tín dụng bằng ngoại tệ, thì năm 2010 và 2011 đã có sự đột biến khi tín dụng bằng ngoại tệ có tốc độ tăng trưởng cao hơn hẳn tín dụng bằng VND.

Nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này là sự chênh lệch quá lớn giữa lãi suất cho vay bằng VND

và lãi suất cho vay ngoại tệ, trong khi tỷ giá lại không biến động nhiều trong giai đoạn vừa qua. Trước sự tăng trưởng khá nóng của tín dụng bằng ngoại tệ, từ giữa tháng 6/2010, NHNN đã đưa ra nhiều giải pháp kiềm chế tín dụng ngoại tệ, cũng như phối hợp với Bộ Công Thương xác định danh mục hạn chế cấp tín dụng nhập khẩu. Sang năm 2011, cùng với việc nhiều lần tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc đối với ngoại tệ, NHNN tiếp tục ban hành cơ chế cho vay ngoại tệ với quy định nhu cầu vay phải đảm bảo cam kết có nguồn ngoại tệ để trả nợ đối ứng. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại những lo ngại trong quản lý và giám sát trước việc nhiều doanh nghiệp lợi dụng một số sơ hở để đi vay ngoại tệ, bán lại lấy VND nhằm tranh thủ chênh lệch lãi suất lớn, tạo nên cung ảo và dồn áp lực cầu ngoại tệ khi các khoản vay đáo hạn vào cuối năm, gây bất lợi cho tỷ giá. Hơn thế nữa, hiện tượng này còn làm lệch lạc đi dòng vốn trên thị trường và khiến cho tình trạng đô la hóa nền kinh tế trở nên nghiêm trọng hơn. Chúng ta cũng cần thừa nhận rằng, tín dụng ngoại tệ với lãi suất thấp đã hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cạnh tranh về giá trên thị trường thế giới, rộng hơn là góp phần hạn chế nhập siêu; ngoài ra, nó còn giảm áp lực cho nhu cầu vay vốn bằng VND, góp phần tăng khả năng giảm lãi suất vay VND trong thời gian tới. Chính vì vậy, NHNN cần phải có những giải pháp hài hòa để kiểm soát tăng trưởng tín dụng bằng ngoại tệ một cách hợp lý. Với tuyên bố của Thống đốc NHNN Việt Nam, biến động tỷ giá USD/VND trong năm 2012 có thể chỉ ở trong khoảng 2- 3%, cùng với đó là mức chênh lệch giữa lãi suất cho vay bằng VND với lãi suất cho vay USD vẫn còn cao thì nhu cầu vay ngoại tệ trong thời gian tới sẽ vẫn còn lớn.

*Thứ ba*, nợ xấu có xu hướng gia tăng và hoạt động quản trị rủi ro còn nhiều yếu kém của hệ thống NHTM. Theo số liệu của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, tỷ lệ cho vay so với huy động vốn của các tổ chức tín dụng Việt Nam ở mức trên 0,9 (cao thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á, chỉ sau Hàn Quốc). Trong khi đó, tăng trưởng tín dụng không đi kèm với nâng cao chất lượng tín dụng. Tình hình nợ xấu đang có diễn biến phức tạp với xu hướng ngày càng gia tăng (từ 2,19% cuối năm 2010 lên khoảng 3,8% cuối năm 2011). Cùng với đó là công tác quản trị rủi ro yếu kém của hệ thống ngân hàng trong khi trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ tín dụng còn hạn chế, chưa theo kịp với sự phát triển của thị trường. Hơn nữa, do các tiêu chuẩn trong lĩnh vực ngân hàng - tài chính ở Việt Nam còn thấp so với chuẩn của quốc tế, cũng như có sự khác biệt nhất

định trong việc đánh giá các khoản tín dụng giữa các ngân hàng đã dẫn đến tình trạng nhiều khoản nợ dưới chuẩn không được nhìn nhận một cách chuẩn xác, làm tăng rủi ro cho thị trường tài chính và cho cả nền kinh tế. Điều này cũng đã gây ra sự lãng phí rất lớn về nguồn lực trong hoàn cảnh dòng chảy tín dụng không được phân bổ một cách hiệu quả trước sự lấn át của tín dụng dành cho khu vực nhà nước và các dự án đầu tư công. Vốn đã thiếu nay hoạt động phân bổ còn yếu rõ ràng hiệu quả sẽ không cao, từ đó kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế.

## **2. Giải pháp và khuyến nghị**

### **2.1. Giải pháp:**

*Một là*, nâng cao chất lượng và hiệu lực quản lý của NHNN. Trước hết, cần đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ ngân hàng theo kịp với sự phát triển của thị trường, đặc biệt là khả năng phân tích và dự đoán tình hình. Mỗi chính sách về kiểm soát tăng trưởng tín dụng được đưa ra phải dựa trên việc nhận định chính xác diễn biến của thị trường trong nước và quốc tế, để có thể đưa ra những quyết định đúng đắn và phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, các bộ phận trực thuộc NHNN cần tăng cường phối hợp hoạt động với nhau để đảm bảo lĩnh vực tín dụng được kiểm soát một cách đồng bộ với các yếu tố khác của chính sách tiền tệ. Ngoài ra, NHNN cũng cần được trang bị một số công cụ pháp luật đặc biệt, để một mặt tăng hiệu lực quản lý trong quá trình điều hành chính sách, mặt khác có thể đối phó một cách kịp thời trước những diễn biến bất thường và khó lường của thị trường trong nước và quốc tế.

*Hai là*, tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động cấp tín dụng. Với vai trò điều tiết vĩ mô thị trường tài chính, trong quá trình điều hành chính sách tiền tệ, NHNN cần tăng cường công tác thanh tra, giám sát đối với hoạt động cấp tín dụng, trong đó đặc biệt chú trọng thanh tra việc cho vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phân loại tín dụng, trích dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, đồng thời đẩy mạnh thanh tra và giám sát đối với hoạt động cho vay đầu tư kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bất động sản.

*Ba là*, xây dựng hệ thống xếp hạng tài chính đối với các NHTM. NHNN cần xây dựng một hệ thống đánh giá xếp hạng tài chính đối với các ngân hàng theo các tiêu chuẩn mới của quốc tế. Qua đó, có thể đánh giá chính xác thực trạng hoạt động của từng ngân hàng, phân nhóm các ngân hàng theo mức độ an toàn nhằm có kế hoạch kiểm soát tăng trưởng tín dụng phù hợp; đồng thời giúp người gửi tiền có thể nhận thức được rủi ro khi gửi tiền, cũng như tạo sự cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng hoạt

động của thị trường.

*Bốn là*, đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Trong đó, trọng tâm là triển khai hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel, tăng cường tính công khai minh bạch trong hoạt động ngân hàng, thực hiện lành mạnh hóa tài chính với trọng tâm là xử lý nợ xấu, bảo đảm mức độ đủ vốn theo quy định của pháp luật và thay đổi cấu trúc của bảng cân đối kế toán theo hướng lành mạnh, bền vững hơn.

*Năm là*, nâng cao chất lượng thông tin và truyền thông về chính sách tiền tệ. NHNN cần tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tin và truyền thông nhằm phổ biến và nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền về điều hành chính sách tiền tệ, đặc biệt là hoạt động kiểm soát tăng trưởng tín dụng. Qua đó, tạo sự nhận thức sâu rộng, kịp thời và đồng thuận trong toàn xã hội, góp phần triển khai có hiệu quả các giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

## **2.2. Khuyến nghị:**

*Thứ nhất*, phối hợp đồng bộ, toàn diện các chính sách kinh tế vĩ mô nói chung, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ nói riêng. Đồng thời, NHNN cũng cần theo dõi, giám sát chặt chẽ và dự báo kịp thời diễn biến kinh tế vĩ mô, đặc biệt là diễn biến của thị trường tài chính trong nước và quốc tế để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành một cách hiệu quả.

*Thứ hai*, đổi mới và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý về hoạt động ngân hàng, bao gồm chuẩn mực an toàn và quản trị rủi ro; quy định về cấp tín dụng; quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro phù hợp hơn với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Trong đó, NHNN cần sớm ban hành, sửa đổi cơ chế cho vay bằng ngoại tệ theo hướng quy định điều kiện chặt chẽ hơn cùng những giải pháp để chuyển dần quan hệ tín dụng ngoại tệ sang quan hệ mua bán ngoại tệ. Đồng thời trong quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, việc cơ cấu lại NHNN cũng cần được thực hiện gắn liền với lộ trình sửa đổi Luật NHNN.

*Thứ ba*, NHNN cần có những chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho hệ thống NHTM phát triển các hoạt động khác trong mảng tín dụng cũng

như phi tín dụng. Điều này giúp cho các ngân hàng phát triển một cách toàn diện và đa dạng hơn, hướng tới xây dựng một hệ thống ngân hàng đa năng theo hướng hiện đại.

*Thứ tư*, nâng cao năng lực và doanh số hoạt động của công ty mua bán nợ. Đây là bài học từ sự thành công trong việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Hàn Quốc sau cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á năm 1997. Chính phủ nước này cũng lập ra công ty xử lý nợ xấu là KAMCO nhằm mua lại các khoản nợ xấu của các tổ chức tín dụng có kế hoạch sáp nhập và hợp nhất. Hàn Quốc đã dành tương đương 15% GDP năm 1997 để tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, trong đó có khoảng một nửa là để mua nợ xấu.

*Thứ năm*, nâng cao hiệu quả và sự thống nhất trong hoạt động của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA), từ đó tăng cường sự liên kết và năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống trước sự gia nhập của các ngân hàng nước ngoài.

*Thứ sáu*, về dài hạn, khi mà thị trường tài chính đã phát triển tới một mức độ nhất định, NHNN không nên kiểm soát mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở một tỷ lệ cụ thể, mà nên kiểm soát chặt chất lượng tín dụng và hiệu quả dịch chuyển của dòng tiền nhằm hướng tới xu thế tự do hóa thị trường tài chính.

*Bước sang năm 2012, với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời cũng cần đảm bảo được sự phát triển của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6- 6,5%, Quốc hội đã thông qua một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội, trong đó tăng trưởng tín dụng sẽ ở mức 15- 17%. Để thực hiện được mục tiêu này, đòi hỏi sự quyết tâm và đồng thuận cao của toàn hệ thống ngân hàng mà đứng đầu là NHNN. Bài viết này đã phân tích thực trạng kiểm soát tăng trưởng tín dụng ở Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này. Trong quá trình thực hiện, trước những bước phát triển cũng như sự biến động của thị trường tài chính trong nước và quốc tế, có thể sẽ nảy sinh những vấn đề mới đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu nhằm đưa ra những chính sách và giải pháp kiểm soát tăng trưởng tín dụng một cách hợp lý, góp phần thực hiện thành công quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam. □*

## **Tài liệu tham khảo:**

1. Chỉ thị 01/2012/CT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 13/02/2012.
2. Nghị quyết số 11/2011/QH13 của Quốc hội ngày 09/11/2011.
3. Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 03/01/2012.
4. Thông tư số 22/2011/TT-NHNN của NHNN ngày 30/08/2011.